

Số: 809/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 01 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán đã giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT (cũ),  
Sở Tài nguyên và Môi trường (cũ) và Sở Lao động Thương binh và Xã hội  
(cũ) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Theo Công văn số 73/HĐND-VP ngày 27/3/2025 của Thường trực HĐND tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 67/TTr-STC ngày 18/3/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán đã giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT (cũ), Sở Tài nguyên và Môi trường (cũ) và Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cũ) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

*(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm)*

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XII để điều chỉnh dự toán đã thực hiện theo các Phụ lục đính kèm theo quy định. Đồng thời, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, chủ trương, định mức tài chính hiện hành và thanh, quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII kiểm soát chi, hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực XII và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Nam Hưng**

Phụ lục I

ĐỰ TOÁN GIAO, ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SÁP NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn: triệu đồng

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Số Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
A	B	I	2=2a+2b	2a	2b	5	3	4=4a+4b	4a	4b	5	6=6a+6b	6a	6b	7	8=2a+4a+6a	C
	<b>A. DỰ TOÁN THU, NỢP NSNN, CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>																
	<b>I. DỰ TOÁN THU</b>	<b>39.684.000.000</b>	-				<b>85.485.000.000</b>	-							<b>125.169.000.000</b>	-	
	1. Thu lệ phí	9.000.000	-				696.000.000	-							705.000.000	-	
	2. Thu phí	561.000.000	-				3.317.000.000	-							3.878.000.000	-	
	3. Thu xử phạt vi phạm hành chính	2.350.000.000	-				2.500.000.000	-							4.850.000.000	-	
	4. Thu khác (bán tài sản tích thu)	1.600.000.000	-				-	-							1.600.000.000	-	
	5. Thu qua hoạt động thanh tra		-				500.000.000	-							500.000.000	-	
	5. Thu hoạt động dịch vụ, sự nghiệp và hoạt động khác	35.164.000.000	-				78.472.000.000	-							113.636.000.000	-	
	<b>II. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>3.622.000.000</b>	-				<b>10.989.000.000</b>	-							<b>14.611.000.000</b>	-	
	1. Thu lệ phí	9.000.000	-				696.000.000	-							705.000.000	-	
	2. Thu phí	83.000.000	-				1.860.000.000	-							1.943.000.000	-	
	3. Thu xử phạt vi phạm hành chính	2.350.000.000	-				2.500.000.000	-							4.850.000.000	-	
	4. Thu khác (bán tài sản tích thu)	1.180.000.000	-				-	-							1.180.000.000	-	
	5. Thu qua hoạt động thanh tra		-				500.000.000	-							500.000.000	-	
	6. Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp		-				5.433.000.000	-							5.433.000.000	-	
	<b>III. DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>36.062.000.000</b>	-				<b>74.496.000.000</b>	-							<b>110.558.000.000</b>	-	
	1. Phục vụ thu phí	478.000.000	-				1.457.000.000	-							1.935.000.000	-	
	2. Thu khác (bán tài sản tích thu)	420.000.000	-				-	-							420.000.000	-	
	3. Phục vụ thu hoạt động dịch vụ, sự nghiệp và hoạt động khác	35.164.000.000	-				73.039.000.000	-							108.203.000.000	-	
	<b>B. DỰ TOÁN CHI NSNN PHẢN BÓ</b>	<b>228.219.000.000</b>	<b>1.633.307.089</b>	<b>1.631.307.089</b>	<b>2.000.000</b>	-	<b>53.243.000.000</b>	<b>486.868.579</b>	<b>486.868.579</b>	-	<b>1.175.000.000</b>	-	-	-	<b>282.637.000.000</b>	<b>2.118.175.668</b>	
	<b>I. DỰ TOÁN CHI QLHC NHÀ NƯỚC</b>	<b>135.449.000.000</b>	<b>518.438.209</b>	<b>516.438.209</b>	<b>2.000.000</b>	-	<b>18.316.000.000</b>	<b>486.868.579</b>	<b>486.868.579</b>	-	<b>1.090.000.000</b>	-	-	-	<b>154.855.000.000</b>	<b>1.003.306.788</b>	
	<b>1. Dự toán chi hoạt động tự chủ</b>	<b>117.723.000.000</b>	<b>518.438.209</b>	<b>516.438.209</b>	<b>2.000.000</b>	-	<b>16.601.000.000</b>	<b>486.868.579</b>	<b>486.868.579</b>	-	<b>1.039.000.000</b>	-	-	-	<b>135.363.000.000</b>	<b>1.003.306.788</b>	
	Trong đó:		-					-							-	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	2.504.000.000	-				480.000.000	-			30.000.000	-			3.014.000.000	-	
	- Đã huy động nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	1.103.000.000	-				770.000.000	-				-			1.873.000.000	-	
	<b>2. Dự toán chi không tự chủ</b>	<b>17.726.000.000</b>	-				<b>1.715.000.000</b>	-			<b>51.000.000</b>	-			<b>19.492.000.000</b>	-	
	Trong đó:		-				-	-				-			-	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	1.566.000.000	-				92.000.000	-				-			1.658.000.000	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 tăng thêm so với dự toán năm 2024 theo quy định	625.000.000	-				-	-				-			625.000.000	-	
	2.1. Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	4.595.000.000	-				807.000.000	-			51.000.000	-			5.453.000.000	-	(1)
	2.2. Chế độ phụ cấp theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP	3.781.000.000	-				-	-				-			3.781.000.000	-	
	2.3. Hỗ trợ luân chuyển, điều động cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	42.000.000	-				-	-				-			42.000.000	-	

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	2.4. Hoạt động công tác quốc phòng (phụ cấp, huấn luyện tự vệ)	36.000.000	-				53.000.000	-				-			89.000.000	-	
	2.5. Trang phục chuyên ngành	852.000.000	-				27.000.000	-				-			879.000.000	-	
	2.6. Chi đặc thù hoạt động ngành	4.001.000.000	-				707.000.000	-				-			4.708.000.000	-	(2)
	- Kiểm tra, chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, cơ chế chính sách của tỉnh, Chương trình MTQG, các công trình XD/CB; In ấn lịch thời vụ và quy trình kỹ thuật hướng dẫn sản xuất; Hội nghị, giao ban, trực báo; sơ kết, tổng kết SXNN; sơ kết, tổng kết ATVSTP; Nghiên cứu học tập kinh nghiệm triển khai thực hiện Tổ giám sát công đồng về ATTP nông lâm thủy sản; Điều tra thống kê sản xuất nông nghiệp; Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí NSNN tại đơn vị.	550.000.000	-					-				-			550.000.000	-	
	- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật	100.000.000	-					-				-			100.000.000	-	
	- Kiểm tra giám sát các sản phẩm nông lâm thủy sản, Thanh tra liên ngành và thanh tra đột xuất, kiểm tra hậu kiểm, xử lý sự cố ATVSTP, giám sát chi tiêu ATTP các sản phẩm thịt gà, lợn đã được xác nhận sản phẩm an toàn theo chuỗi, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại địa phương, cơ sở.	300.000.000	-					-				-			300.000.000	-	
	- Hoạt động kiểm tra, giám sát chuyên ngành Kiểm lâm (công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Kiểm tra về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và hệ thống đảm bảo gói hợp pháp; Giống cây trồng lâm nghiệp, cơ chế hỗ trợ Quế Trà My; Công trình lâm sinh; Hiện trạng rừng, các công trình khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thuê môi trường rừng trồng Sâm Ngọc Linh và được liệu dưới tán rừng, chỉ dẫn địa lý Sâm Ngọc Linh; Quản lý, sử dụng vũ khí và CCHT; Công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác KLDB, theo dõi DBTNR và công tác PCCCR; Chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã; Kiến nghị, phản ánh, đơn thư khiếu nại, tố cáo...); Biên tập bản đồ quy hoạch (triển khai quy hoạch Tỉnh); Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo cấp tỉnh và văn phòng thường trực về Chương trình mục tiêu PTLNBV năm 2025.	430.000.000	-					-				-			430.000.000	-	
	- Công tác thực thi pháp luật chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y	180.000.000	-					-				-			180.000.000	-	
	- Kiểm tra, chỉ đạo công tác sản xuất giống cây trồng (cà cây được liệu) và công tác bảo vệ thực vật các huyện miền núi cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách về phát triển cây được liệu và sâm Ngọc Linh; mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói quả tươi; cơ sở được cấp giấy chứng nhận ATTP, cây đầu dòng được công nhận; Kiểm tra, giám sát thực hiện Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND; quản lý đất nông nghiệp; kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ các địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; hoạt động quản lý VTNN, giải quyết TTHC, tuyên truyền phổ biến pháp luật.	300.000.000	-					-				-			300.000.000	-	
	- Công tác kiểm tra, đánh giá các chương trình phát triển nông thôn	150.000.000	-					-				-			150.000.000	-	
	- Hoạt động chuyên ngành Thủy lợi	90.000.000	-					-				-			90.000.000	-	
	- Hoạt động chuyên ngành thủy sản; hoạt động của Văn phòng kiểm soát nghề cá	550.000.000	-					-				-			550.000.000	-	
	- Hoạt động đặc thù của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	100.000.000	302.456.793	302.456.793	-			-				-			100.000.000	302.456.793	

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Số Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Chính lý tài liệu tồn đọng theo Quyết định 1347/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh	909.000.000	-				342.000.000	-				-			1.251.000.000	-	
	- Phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	342.000.000	-				225.000.000	-				-			567.000.000	-	(3)
	- Phục vụ công tác hoạt động thanh tra (Theo Nghị quyết 37/2023/UBTVQH15)		-				135.000.000	-				-			135.000.000	-	
	- Phục vụ công tác thu lệ phí		-				5.000.000	-				-			5.000.000	-	
	2.7. Sửa chữa	4.419.000.000	-				121.000.000	-				-			4.540.000.000	-	
	a) Sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác	374.000.000	-				35.000.000	-				-			409.000.000	-	
	b) Sửa chữa trụ sở làm việc	4.045.000.000	-				86.000.000	-				-			4.131.000.000	-	(4)
	- Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, nhà để xe ô tô và xe máy Cơ quan Văn phòng Sở	958.000.000	-					-				-			958.000.000	-	
	- Sửa chữa nhà làm việc, nhà để xe, tường rào Đội KLCD và PCCCR số 2	366.000.000	-					-				-			366.000.000	-	
	- Sửa chữa sân nền HKL huyện Phước Sơn	96.000.000	-					-				-			96.000.000	-	
	- Sửa nhà vệ sinh, sân nền, hàng rào tổ KLCD&PCCCR Sông Trà	270.000.000	-					-				-			270.000.000	-	
	- Sửa chữa tường rào trạm Kiểm lâm Phú Ninh	116.000.000	-					-				-			116.000.000	-	
	- Sửa chữa trụ sở làm việc của HKL Rừng đặc dụng Sông Thanh (trụ sở nhân bản giao từ Viện Kiểm Sát)	1.071.000.000	-					-				-			1.071.000.000	-	
	- Sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	819.000.000	-					-				-			819.000.000	-	
	- Sửa chữa chống thấm sân mái dầy nhà làm việc thứ hai trụ sở Chi cục Thủy lợi	349.000.000	-					-				-			349.000.000	-	
	- Sửa chữa, sơn tường rào		-				86.000.000	-				-			86.000.000	-	
	<b>II. DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>89.801.000.000</b>	<b>1.114.868.880</b>	<b>1.114.868.880</b>	-	-	<b>11.988.000.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>101.789.000.000</b>	1.114.868.880		
	<b>1. Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>12.327.000.000</b>	<b>987.358.604</b>	<b>987.358.604</b>	-	-	<b>2.854.000.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>15.181.000.000</b>	987.358.604		
	Trong đó:		-				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Dự toán đối với hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	351.000.000	-				-	-	-	-	-	-	-		351.000.000	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	316.000.000	-				95.000.000	-				-			411.000.000	-	
	- Đã huy động nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	1.031.000.000	-				-	-	-	-	-	-	-		1.031.000.000	-	
	<b>2. Dự toán chi không tự chủ</b>	<b>77.474.000.000</b>	<b>127.510.276</b>	<b>127.510.276</b>	-	-	<b>9.134.000.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>86.608.000.000</b>	127.510.276		
	Trong đó:		-				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	8.966.000.000	-				896.000.000	-				-			9.862.000.000	-	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 tăng thêm so với dự toán năm 2024 theo quy định	3.846.000.000	-				84.000.000	-				-			3.930.000.000	-	
	<b>2.1. Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>741.000.000</b>	-				<b>224.000.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>965.000.000</b>	-	<b>(1)</b>	
	<b>2.2. Chế độ phụ cấp theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP</b>	<b>416.000.000</b>	-					-	-	-	-	-	-	<b>416.000.000</b>	-		
	<b>2.3. Thuê trụ sở làm việc</b>	<b>108.000.000</b>	-					-	-	-	-	-	-	<b>108.000.000</b>	-		
	- Thuê trụ sở làm việc của Trung tâm Đăng kiểm tàu cá và Quản lý Cảng cá	108.000.000	-					-	-	-	-	-	-	108.000.000	-		
	<b>2.4. Hoạt động phát triển sự nghiệp</b>	<b>19.020.000.000</b>	-				<b>8.910.000.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>27.930.000.000</b>	-	<b>(2)</b>	
281	a) Hoạt động tổng hợp nghiệp vụ ngành	1.083.000.000	-					-	-	-	-	-	-	1.083.000.000	-		

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Số Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Biên soạn, in ấn Bản tin Nông nghiệp - Nông thôn; Tuyên truyền chủ trương của tỉnh về nông nghiệp, thông tin danh mục kêu gọi đầu tư vào Nông nghiệp nông thôn; Tập huấn cấp nhất các văn bản quy phạm pháp luật, kiến thức mới về an toàn thực phẩm cho cán bộ cấp huyện; Tham dự lễ hội Lễ hội Sấm và hương liệu, được liệu Quốc tế tại Hà Nội.	450.000.000	-											450.000.000	-		
	- Triển khai thực hiện Kế hoạch 4659/KH-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về xây dựng thí điểm Mô hình Tổ giám sát cộng đồng về ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024-2025	150.000.000	-											150.000.000	-		
	- Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống ngành Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	90.000.000	-											90.000.000	-		
	- Hội thảo "Giải pháp phát triển Ngành Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Kế hoạch 6326/KH-UBND ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh)	276.000.000	-											276.000.000	-		
	- Kinh phí tổ chức diễu binh, diễu hành lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam và 95 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam; Hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội Thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thu đua yêu nước tỉnh Quảng Nam lần thứ IX năm 2025.	117.000.000	-											117.000.000	-		
<b>282</b>	<b>b) Hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và hoạt động lâm nghiệp khác</b>	<b>2.288.000.000</b>	-											2.288.000.000	-		
	- Kinh phí tổ chức lễ phát động ra quân trồng cây nhân dịp Tết Nguyên Đán và ngày Lâm nghiệp Việt Nam (28/11) năm 2025	146.000.000	-											146.000.000	-		
	- Kinh phí kiểm tra, truy quét, lâm, khoáng sản trái phép (bao gồm cả trước, trong và sau Tết); Phục vụ điều tra các vụ án hình sự; Tuyên truyền, tập huấn SMART, trực cháy mùa khô, bảo đường thiết bị chữa cháy, hoạt động chữa cháy rừng và tu sửa bảo trì bảng điện tử, giao nhận, cứu hộ tái thả động vật hoang dã, thuế vi tri đặt máy chủ.	1.769.000.000	-											1.769.000.000	-		
	- Kinh phí số hóa dữ liệu lâm nghiệp năm 2024	370.000.000	-											370.000.000	-		
	- Thực hiện Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh	3.000.000	-											3.000.000	-		
<b>281</b>	<b>c) Hoạt động chăn nuôi và thú y</b>	<b>5.801.000.000</b>	-											5.801.000.000	-		
	- Giám sát dịch bệnh động vật trên cạn, chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật thủy sản; chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá phát triển chăn nuôi (bao gồm hướng dẫn, kiểm tra cấp và duy trì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm), phòng, chống dịch bệnh con vật nuôi (kể cả nuôi trồng thủy sản); kiểm tra công tác quản lý, kiểm soát giết mổ; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh;...	648.000.000	-											648.000.000	-		
	- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhân viên Thú y xã, phường, thị trấn; Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi theo hướng tuần hoàn; Kiểm tra, giám sát về sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với thịt lợn, thịt gà sử dụng làm thực phẩm (tại các cơ sở giết mổ tập trung/điểm giết mổ); Triển khai tiêm vắc xin phòng, chống bệnh DTLCP; Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; Kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực chăn nuôi; thực hiện các quy định về khu vực không được phép chăn nuôi; khảo sát để xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi trang trại đảm bảo an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh; khảo sát đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; học tập về mô hình xây dựng CSGM động vật tập trung công nghệ hiện đại, thiết bị tiên tiến và công tác quản lý giết mổ.	653.000.000	-											653.000.000	-		

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Dự trữ thuốc thú y (vắc xin, hóa chất) để phòng, chống dịch bệnh động vật	4.500.000.000	-					-				-		4.500.000.000	-		
<b>281</b>	<b>d) Hoạt động Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	<b>495.000.000</b>	-					-				-		495.000.000	-		
	- Thông tin tuyên truyền, tập huấn phòng trừ dịch hại cây trồng, chính sách phát triển về phát triển cây dược liệu, Sâm Ngọc Linh; khảo sát xây dựng hướng dẫn, định mức kinh tế kỹ thuật các loại cây trồng và các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thẩm định, cấp và kiểm tra, giám sát Mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh	252.000.000	-					-				-		252.000.000	-		
	- Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; Công nhận lưu hành đặc cách các cây trồng bản địa; Khảo sát, xây dựng Tiêu chí bình tuyển cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cho một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh; Tập huấn, phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền nâng cao nhận thức về IPHM	243.000.000	-					-				-		243.000.000	-		
<b>281</b>	<b>e) Hoạt động Phát triển nông thôn</b>	<b>412.000.000</b>	-					-				-		412.000.000	-		
	- Thông tin, truyền thông các cơ chế, chính sách trên lĩnh vực phát triển nông thôn; Kiểm tra, thẩm định hồ sơ dự án liên kết hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh cấp tỉnh; Tập huấn kỹ năng Tổ chức liên kết sản xuất tiêu thụ giữa HTX với hộ nông dân địa phương và thành viên liên kết	259.000.000	-					-				-		259.000.000	-		
	- Hội nghị tổng kết các Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 -2025; Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 -2025	153.000.000	-					-				-		153.000.000	-		
<b>283</b>	<b>g) Hoạt động phát triển Thủy lợi</b>	<b>331.000.000</b>	<b>331.000.000.000,0</b>		331.000.000.000,0			-				-		331.000.000	-		
	- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày Thủy lợi (28/8/1945); Duy trì vận hành Website điều hành, quản lý ứng phó trong công tác sơ tán dân phục vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Hoạt động của Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025	168.000.000	-					-				-		168.000.000	-		
	- Tập huấn quản lý, khai thác, vận hành bảo dưỡng công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai; hạ tầng thủy lợi; Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý về cấp nước an toàn khu vực nông thôn; hạ tầng nước sạch; Cung cấp Sổ tay hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn	163.000.000	-					-				-		163.000.000	-		
<b>284</b>	<b>h) Hoạt động phát triển ngành thủy sản</b>	<b>771.000.000</b>	-					-				-		771.000.000	-		
	- Quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản	240.000.000	-					-				-		240.000.000	-		
	- Thả giống tôm, cá đẻ tái tạo nguồn lợi thủy sản	99.000.000	-					-				-		99.000.000	-		

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Số Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Tập huấn, tuyên truyền công tác phòng chống lụt bão, neo đậu tàu thuyền, phát triển tổ đội đoàn kết khai thác, công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, sản xuất kinh doanh vật tư nuôi trồng thủy sản; kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động về phát triển thủy sản	347.000.000	-											347.000.000	-		
	- Kiểm tra tình hình khai thác, nuôi trồng thủy sản; Thẩm định, thẩm tra công tác giải quyết TTHC (kiểm tra tàu cá cải hoán, điều kiện nuôi trồng thủy sản...); kiểm tra, giám sát thực địa; kiểm tra hoạt động nghề cá; Hỗ trợ công tác trực ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tàu thuyền nghề cá; mua sắm, bảo dưỡng trang thiết bị phục vụ công tác PCLB; bảo trì trạm bờ Chi cục Thủy sản; In số danh bạ thuyền viên, phối Giấy phép khai thác thủy sản, phối Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	85.000.000	-											85.000.000	-		
<b>285</b>	<b>l) Hoạt động của BCD và Tổ giúp việc Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>	<b>4.981.000.000</b>	<b>6.892.424</b>	<b>6.892.424</b>	-	-								4.981.000.000	6.892.424		
	- Hoạt động của BCD và Tổ giúp việc Chương trình xây dựng nông thôn mới; Kiểm tra, khảo sát thực tế, rà soát, tổng hợp kết quả tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; Hoạt động của Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	250.000.000	6.892.424	6.892.424										250.000.000	6.892.424		
	- Kinh phí Tổ chức và trao giải cuộc thi "Vườn - Trường - Đường đẹp", "Mô hình phát triển sản xuất hiệu quả", "Cơ sở vật chất trường mầm non/mẫu giáo đạt chuẩn", "Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi" và "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025	4.731.000.000	-											4.731.000.000	-		
<b>281</b>	<b>k) Hoạt động Khuyến nông - khuyến ngư</b>	<b>2.858.000.000</b>	-											2.858.000.000	-		
	- Thông tin tuyên truyền một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thâm canh cây trồng, con vật nuôi; Tập huấn nâng cao năng lực cho Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã trên địa bàn của tỉnh; cập nhật cơ chế chính sách và tiến bộ khoa học kỹ thuật; Chương trình hợp tác với Lào; Xây dựng mô hình trình diễn; Khuyến nông trồng trọt, chăn nuôi, khuyến lâm, khuyến ngư,...	2.858.000.000	-											2.858.000.000	-		
<b>332</b>	<b>l) Hoạt động điều tra, quy hoạch, thăm dò, khảo sát, tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên và khí tượng thủy văn</b>		-				<b>8.910.000.000</b>	-						8.910.000.000	-		
	- Kiểm tra, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		-				72.000.000	-						72.000.000	-		
	- Định giá đất cụ thể		-				2.977.000.000	-						2.977.000.000	-		
	- Công tác quản lý đất đai, thống kê, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất		-				81.000.000	-						81.000.000	-		
	- Quản lý bảo vệ hiện trạng quỹ đất được giao		-				37.000.000	-						37.000.000	-		
	- Tổ chức đấu giá các khu đất được giao quản lý		-				147.000.000	-						147.000.000	-		



Kh	NỘI DUNG	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Kiểm tra tình hình quản lý, hoạt động khoáng sản; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất; kiểm tra quy trình vận hành liên hồ chứa đối với các thủy điện; kiểm tra, thẩm định Ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở; kiểm tra, khảo sát đường bờ dễ bị tổn thương; kiểm tra thẩm định hồ sơ giao khu vực biển; kiểm tra đột xuất về tài nguyên nước, ứng phó sự cố tràn dầu; Kiểm tra sản phẩm trích đo địa chính, thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán các công trình đo đạc bản đồ địa chính		-			243.000.000	-				-			243.000.000	-		
	- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kiểm tra giải quyết vướng mắc của các địa phương trong quá trình thực hiện		-			45.000.000	-				-			45.000.000	-		
	- Chống mối mọt, mua sắm kệ và vật tư lưu trữ hồ sơ đất đai, hồ sơ quản lý khoáng sản, nước		-			63.000.000	-				-			63.000.000	-		
	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh		-			540.000.000	-				-			540.000.000	-		
	- Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Quảng Nam		-			3.165.000.000	-				-			3.165.000.000	-		
	- Lập hồ sơ Tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Nam		-			90.000.000	-				-			90.000.000	-		
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND - phí không đồng		-			522.000.000	-				-			522.000.000	-		
	- Duy trì, vận hành, bảo trì, bảo mật an toàn thông tin các hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường theo Thông tư 14/2020/TT-BTNMT		-			928.000.000	-				-			928.000.000	-		
	<b>2.5. Dự toán chi thực hiện các chương trình, dự án, đề án của tỉnh</b>	<b>57.190.000.000</b>	<b>127.510.276</b>	<b>127.510.276</b>	-	-	-				-			57.190.000.000	127.510.276	(2)	
	a) Đối ứng Dự án "Quản lý bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học" (Dự án VFBC) tỉnh Quảng Nam	1.080.000.000	127.510.276	127.510.276							-			1.080.000.000	127.510.276		
	b) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	950.000.000	-								-			950.000.000	-		
	c) Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin dự án: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp năm 2024 (Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)	1.221.000.000	-								-			1.221.000.000	-		
	d) Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh)	5.775.000.000	-								-			5.775.000.000	-		
	d) Các Chương trình, đề án lĩnh vực thủy lợi	28.754.000.000	-								-			28.754.000.000	-		
	- Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du 07 hồ chứa nước: Việt An, Cây Thông, Trung Lộc, Vĩnh Trinh, Phú Lộc, Đông Tiễn và Nước Rón tỉnh Quảng Nam	11.223.000.000	-								-			11.223.000.000	-		
	- Điều tra thu thập Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn	5.863.000.000	-								-			5.863.000.000	-		
	- Xây dựng phần mềm trực tuyến phục vụ công tác quản lý diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	806.000.000	-								-			806.000.000	-		
	- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Nam	3.460.000.000	-								-			3.460.000.000	-		
	- Thực hiện nhiệm vụ cấp thiết theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 23/3/2019 của UBND tỉnh giai đoạn 2023 - 2025		-								-			-	-		
	+ <i>Lập quy trình bảo trì 07 hồ chứa nước: Thái Xuân, Đá Vách, Nước Rón, Phước Hà, Cao Ngạn, Hồ Giang, Hương Mao</i>	455.000.000	-								-			455.000.000	-		

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Số Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	+ Lập điều chỉnh quy trình vận hành 05 hồ chứa nước: Vĩnh Trinh, Việt An, Đông Tiễn, Phú Ninh, Thạch Bàn	2.453.000.000	-											2.453.000.000	-		
	+ Kiểm định an toàn đập 04 hồ chứa nước: Khe Tân, Phước Hà, Phú Lộc, Nước Ròn	4.494.000.000	-											4.494.000.000	-		
	e) Trưng bày thành tựu sản phẩm ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn của tỉnh (Kế hoạch 6326/KH-UBND ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh)	1.300.000.000	-											1.300.000.000	-		
	g) Triển lãm Lễ hội Quốc tế Sâm Ngọc Linh (Không gian trưng bày triển lãm, ẩm thực các sản phẩm Sâm Ngọc Linh, dược liệu và các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh, dược liệu, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống... theo Kế hoạch số 7718/KH-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh)	5.000.000.000	-											5.000.000.000	-		
	h) Đề án Nông nghiệp hữu cơ	810.000.000	-											810.000.000	-		
	i) Điều tra, xác định vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa quy mô cấp xã để định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Điều tra xác định hiện trạng rừng	12.300.000.000	-											12.300.000.000	-	(5)	
278	<b>III. CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG (Dự toán chi không thường xuyên ngoài định mức)</b>		-				<b>22.939.000.000</b>	-						22.939.000.000	-		
	<i>Trong đó: Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định</i>		-				2.549.000.000	-						2.549.000.000	-		
	- Thanh tra, kiểm tra các cơ sở có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra sau khi đã đánh giá tác động môi trường, công tác BVMT của các CSSXKD, lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường; kiểm tra, thẩm định ứng phó sự cố tràn dầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra theo KH của Thanh tra Sở và kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh, phối hợp thanh tra của Bộ TNMT và các ngành trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát công tác quan trắc môi trường hằng năm		-				450.000.000	-						450.000.000	-		
	- Tuyên truyền, tổ chức các hoạt động hưởng ứng các Ngày môi trường, tuần lễ quốc gia biển, hải đảo, Ngày Nước và Đại dương... trong năm; Tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường		-				180.000.000	-						180.000.000	-		
	- Tập huấn chuyển môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Biến đổi khí hậu		-				81.000.000	-						81.000.000	-		
	- Tham gia các Dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường		-				36.000.000	-						36.000.000	-		
	- Xử lý rác thải tại các bãi rác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam		-				14.402.000.000	-						14.402.000.000	-		
	- Công tác quan trắc môi trường năm 2025		-				5.822.000.000	-						5.822.000.000	-		
	- Thực hiện chương trình phát thanh, truyền hình về chuyên mục "Tài nguyên và Môi trường" trên sóng QRT		-				405.000.000	-						405.000.000	-		
	- Thực hiện các hoạt động đã ký kết Liên tịch với Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam về hoạt động bảo vệ môi trường		-				32.000.000	-						32.000.000	-		
	- Hoạt động Ban điều phối quản lý tổng hợp lưu vực Sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng		-				30.000.000	-						30.000.000	-		
	- Bảo quản và Vận hành Nhà Bảo tàng Đa dạng sinh học tỉnh Quảng Nam		-				360.000.000	-						360.000.000	-		
	- Duy trì Văn phòng Hợp phần thích ứng với Biến đổi khí hậu		-				90.000.000	-						90.000.000	-		
	- Tiếp công dân và tiếp nhận xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại của công dân		-				63.000.000	-						63.000.000	-		

Kh	NỘI DUNG	Số Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025				Số Tài nguyên và Môi trường	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Số Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong đó, đã sử dụng đến 20/02/2025			Dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong đó, thực chi đến 20/02/2025	Ghi chú
			Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng	Cam kết chi		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng		Tổng cộng	Thực chi	Tạm ứng			
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND - phí không đồng		-			923.000.000	-				-			923.000.000	-		
	- Xây dựng Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2026-2030		-			65.000.000	-				-			65.000.000	-		
	<b>IV. Chi bảo đảm xã hội (Chi không thường xuyên)</b>		-				-				<b>85.000.000</b>	-		<b>85.000.000</b>	-		
	Hoạt động bảo trợ xã hội (sự nghiệp giảm nghèo)		-				-				85.000.000	-		85.000.000	-		
	<b>V. DỰ TOÁN CHI NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (Kinh phí không thường xuyên thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững)</b>	<b>2.969.000.000</b>	-				-				-			<b>2.969.000.000</b>	-		
	- Kinh phí Bảo vệ rừng và hỗ trợ cộng đồng vùng đệm	2.894.000.000	-				-				-			2.894.000.000	-		
	- Kinh phí trồng cây phân tán	75.000.000	-				-				-			75.000.000	-		

Phụ lục II

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHO ĐƠN VỊ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT 01/NQ-HĐND  
NGÀY 19/02/2025 CỦA HĐND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Dvt: triệu đồng

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
A	B	1	2	3	4=1+2+3	
	<b>A. DỰ TOÁN THU, NỢP NSNN, CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>					
	<b>I. DỰ TOÁN THU</b>	<b>39.684</b>	<b>85.485</b>		<b>125.169</b>	
	1. Thu lệ phí	9	696		705	
	2. Thu phí	561	3.317		3.878	
	3. Thu xử phạt vi phạm hành chính	2.350	2.500		4.850	
	4. Thu khác (bán tài sản tịch thu)	1.600			1.600	
	5. Thu qua hoạt động thanh tra		500		500	
	5. Thu hoạt động dịch vụ, sự nghiệp và hoạt động khác	35.164	78.472		113.636	
	<b>II. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>3.622</b>	<b>10.989</b>		<b>14.611</b>	
	1. Thu lệ phí	9	696		705	
	2. Thu phí	83	1.860		1.943	
	3. Thu xử phạt vi phạm hành chính	2.350	2.500		4.850	
	4. Thu khác (bán tài sản tịch thu)	1.180			1.180	
	5. Thu qua hoạt động thanh tra		500		500	
	6. Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp		5.433		5.433	
	<b>III. DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>36.062</b>	<b>74.496</b>		<b>110.558</b>	
	1. Phục vụ thu phí	478	1.457		1.935	
	2. Thu khác (bán tài sản tịch thu)	420			420	
	3. Phục vụ thu hoạt động dịch vụ, sự nghiệp và hoạt động khác	35.164	73.039		108.203	
	<b>B. DỰ TOÁN CHI NSNN PHÂN BỐ</b>	<b>228.219</b>	<b>53.243</b>	<b>1.175</b>	<b>282.637</b>	
	<b>I. DỰ TOÁN CHI QLHC NHÀ NƯỚC</b>	<b>135.449</b>	<b>18.316</b>	<b>1.090</b>	<b>154.855</b>	
	<b>1. Dự toán chi hoạt động tự chủ</b>	<b>117.723</b>	<b>16.601</b>	<b>1.039</b>	<b>135.363</b>	
	Trong đó:				0	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	2.504	480	30	3.014	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Đã huy động nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	1.103	770		1.873	
	<b>2. Dự toán chi không tự chủ</b>	<b>17.726</b>	<b>1.715</b>	<b>51</b>	<b>19.492</b>	
	Trong đó:				0	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	1.566	92		1.658	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 tăng thêm so với dự toán năm 2024 theo quy định	625			625	
	2.1. Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	4.595	807	51	5.453	(1)
	2.2. Chế độ phụ cấp theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP	3.781			3.781	
	2.3. Hỗ trợ luân chuyển, điều động cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	42			42	
	2.4. Hoạt động công tác quốc phòng (phụ cấp, huấn luyện tự vệ)	36	53		89	
	2.5. Trang phục chuyên ngành	852	27		879	
	2.6. Chi đặc thù hoạt động ngành	4.001	707		4.708	(2)
	- Kiểm tra, chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, cơ chế chính sách của tỉnh, Chương trình MTQG, các công trình XD CB; In ấn lịch thời vụ và quy trình kỹ thuật hướng dẫn sản xuất; Hội nghị, giao ban, trực báo; sơ kết, tổng kết SXNN; sơ kết, tổng kết ATVSTP; Nghiên cứu học tập kinh nghiệm triển khai thực hiện Tổ giám sát cộng đồng về ATTP nông lâm thủy sản; Điều tra thống kê sản xuất nông nghiệp; Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí NSNN tại đơn vị.	550			550	
	- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật	100			100	
	- Kiểm tra giám sát các sản phẩm nông lâm thủy sản, Thanh tra liên ngành và thanh tra đột xuất, kiểm tra hậu kiểm, xử lý sự cố ATVSTP, giám sát chỉ tiêu ATTP các sản phẩm thịt gà, lợn đã được xác nhận sản phẩm an toàn theo chuỗi, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại địa phương, cơ sở.	300			300	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Hoạt động kiểm tra, giám sát chuyên ngành Kiểm lâm (công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Kiểm tra về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp; Giống cây trồng lâm nghiệp, cơ chế hỗ trợ Quế Trà My; Công trình lâm sinh; Hiện trạng rừng, các công trình khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thuê môi trường rừng trồng Sâm Ngọc Linh và dược liệu dưới tán rừng, chỉ dẫn địa lý Sâm Ngọc Linh; Quản lý, sử dụng vũ khí và CCHT; Công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác KLĐB, theo dõi DBTNR và công tác PCCCR; Chấp hành pháp luật về quản lý động vật hoang dã; Kiến nghị, phản ánh, đơn thư khiếu nại, tố cáo...); Biên tập bản đồ quy hoạch (triển khai quy hoạch Tỉnh); Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo cấp tỉnh và văn phòng thường trực về Chương trình mục tiêu PTLNBV năm 2025.	430			430	
	- Công tác thực thi pháp luật chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y	180			180	
	- Kiểm tra, chỉ đạo công tác sản xuất giống cây trồng (cả cây dược liệu) và công tác bảo vệ thực vật các huyện miền núi cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách về phát triển cây dược liệu và sâm Ngọc Linh; mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói quả tươi; cơ sở được cấp giấy chứng nhận ATTP, cây đầu dòng được công nhận; Kiểm tra, giám sát thực hiện Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND; quản lý đất nông nghiệp; kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ các địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; hoạt động quản lý VTNN, giải quyết TTHC, tuyên truyền phổ biến pháp luật.	300			300	
	- Công tác kiểm tra, đánh giá các chương trình phát triển nông thôn	150			150	
	- Hoạt động chuyên ngành Thủy lợi	90			90	
	- Hoạt động chuyên ngành thủy sản; hoạt động của Văn phòng kiểm soát nghề cá	550			550	
	- Hoạt động đặc thù của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	100			100	
	- Chính lý tài liệu tồn đọng theo Quyết định 1347/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh	909	342		1.251	
	- Phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	342	225		567	(3)
	- Phục vụ công tác hoạt động thanh tra (Theo Nghị quyết 37/2023/UBTVQH15)		135		135	(3)
	- Phục vụ công tác thu lệ phí		5		5	
	2.7. Sửa chữa	4.419	121		4.540	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	a) Sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác	374	35		409	
	b) Sửa chữa trụ sở làm việc	4.045	86		4.131	(4)
	- Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, nhà để xe ô tô và xe máy Cơ quan Văn phòng Sở	958			958	
	- Sửa chữa nhà làm việc, nhà để xe, tường rào Đội KLCĐ và PCCCR số 2	366			366	
	- Sửa chữa sân nền HKL huyện Phước Sơn	96			96	
	- Sửa nhà vệ sinh, sân nền, hàng rào tổ KLCĐ&PCCCR Sông Trà	270			270	
	- Sửa chữa tường rào trạm Kiểm lâm Phú Ninh	116			116	
	- Sửa chữa trụ sở làm việc của HKL Rừng đặc dụng Sông Thanh (trụ sở nhận bàn giao từ Viện Kiểm Sát)	1.071			1.071	
	- Sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	819			819	
	- Sửa chữa chống thấm sàn mái dãy nhà làm việc thứ hai trụ sở Chi cục Thủy lợi	349			349	
	- Sửa chữa, sơn tường rào		86		86	
	<b>II. DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>89.801</b>	<b>11.988</b>		<b>101.789</b>	
	<b>1. Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>12.327</b>	<b>2.854</b>		<b>15.181</b>	
	Trong đó:				0	
	- Dự toán đối với hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	351			351	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	316	95		411	
	- Đã huy động nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để thực hiện tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng	1.031			1.031	
	<b>2. Dự toán chi không tự chủ</b>	<b>77.474</b>	<b>9.134</b>		86.608	
	Trong đó:				0	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	8.966	896		9.862	
	- Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 tăng thêm so với dự toán năm 2024 theo quy định	3.846	84		3.930	
	<b>2.1. Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>741</b>	<b>224</b>		965	<b>(1)</b>
	<b>2.2. Chế độ phụ cấp theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP</b>	<b>416</b>			416	
	<b>2.3. Thuê trụ sở làm việc</b>	<b>108</b>			108	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Thuê trụ sở làm việc của Trung tâm Đăng kiểm tàu cá và Quản lý Cảng cá	108			108	
	<b>2.4. Hoạt động phát triển sự nghiệp</b>	<b>19.020</b>	<b>8.910</b>		27.930	(2)
<b>281</b>	<b>a) Hoạt động tổng hợp nghiệp vụ ngành</b>	<b>1.083</b>			1.083	
	- Biên soạn, in ấn Bản tin Nông nghiệp - Nông thôn; Tuyên truyền chủ trương của tỉnh về nông nghiệp, thông tin danh mục kêu gọi đầu tư vào Nông nghiệp nông thôn; Tập huấn cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, kiến thức mới về an toàn thực phẩm cho cán bộ cấp huyện; Tham dự lễ hội Lễ hội Sâm và hương liệu, dược liệu Quốc tế tại Hà Nội.	450			450	
	- Triển khai thực hiện Kế hoạch 4659/KH-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về xây dựng thí điểm Mô hình Tổ giám sát cộng đồng về ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024-2025	150			150	
	- Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống ngành Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	90			90	
	- Hội thảo "Giải pháp phát triển Ngành Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Kế hoạch 6326/KH-UBND ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh)	276			276	
	- Kinh phí tổ chức diễu binh, diễu hành lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam và 95 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam; Hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội Thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thu đua yêu nước tỉnh Quảng Nam lần thứ IX năm 2025.	117			117	
<b>282</b>	<b>b) Hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và hoạt động lâm nghiệp khác</b>	<b>2.288</b>			2.288	
	- Kinh phí tổ chức lễ phát động ra quân trồng cây nhân dịp Tết Nguyên Đán và ngày Lâm nghiệp Việt Nam (28/11) năm 2025	146			146	
	- Kinh phí kiểm tra, truy quét, lâm, khoáng sản trái phép (bao gồm cả trước, trong và sau Tết); Phục vụ điều tra các vụ án hình sự; Tuyên truyền, tập huấn SMART, trực cháy mùa khô, bảo dưỡng thiết bị chữa cháy, hoạt động chữa cháy rừng và tu sửa bảo trì bảng điện tử, giao nhận, cứu hộ tái thả động vật hoang dã, thuê vị trí đặt máy chủ.	1.769			1.769	
	- Kinh phí số hóa dữ liệu lâm nghiệp năm 2024	370			370	
	- Thực hiện Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh	3			3	
<b>281</b>	<b>c) Hoạt động chăn nuôi và thú y</b>	<b>5.801</b>			5.801	



Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Giám sát dịch bệnh động vật trên cạn, chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật thủy sản; chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá phát triển chăn nuôi (bao gồm hướng dẫn, kiểm tra cấp và duy trì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm), phòng, chống dịch bệnh con vật nuôi (kể cả nuôi trồng thủy sản); kiểm tra công tác quản lý, kiểm soát giết mổ; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh;...	648			648	
	- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhân viên Thú y xã, phường, thị trấn; Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi theo hướng tuần hoàn; Kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với thịt lợn, thịt gà sử dụng làm thực phẩm (tại các cơ sở giết mổ tập trung/điểm giết mổ); Triển khai tiêm vắc xin phòng, chống bệnh DTLCP; Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; Kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực chăn nuôi; thực hiện các quy định về khu vực không được phép chăn nuôi; khảo sát để xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi trang trại đảm bảo an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh; khảo sát đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; học tập về mô hình xây dựng CSGM động vật tập trung công nghệ hiện đại, thiết bị tiên tiến và công tác quản lý giết mổ.	653			653	
	- Dự trữ thuốc thú y (vắc xin, hóa chất) để phòng, chống dịch bệnh động vật	4.500			4.500	
<b>281</b>	<b>d) Hoạt động Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	<b>495</b>			<b>495</b>	
	- Thông tin tuyên truyền, tập huấn phòng trừ dịch hại cây trồng, chính sách phát triển về phát triển cây dược liệu, Sâm Ngọc Linh; khảo sát xây dựng hướng dẫn, định mức kinh tế kỹ thuật các loại cây trồng và các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thẩm định, cấp và kiểm tra, giám sát Mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh	252			252	
	- Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; Công nhận lưu hành đặc cách các cây trồng bản địa; Khảo sát, xây dựng Tiêu chí bình tuyến cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cho một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh; Tập huấn, phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền nâng cao nhận thức về IPHM	243			243	
<b>281</b>	<b>e) Hoạt động Phát triển nông thôn</b>	<b>412</b>			<b>412</b>	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Thông tin, truyền thông các cơ chế, chính sách trên lĩnh vực phát triển nông thôn; Kiểm tra, thẩm định hồ sơ dự án liên kết hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh cấp tỉnh; Tập huấn kỹ năng Tổ chức liên kết sản xuất tiêu thụ giữa HTX với hộ nông dân địa phương và thành viên liên kết	259			259	
	- Hội nghị tổng kết các Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 -2025; Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 -2025	153			153	
<b>283</b>	<b>g) Hoạt động phát triển Thủy lợi</b>	<b>331</b>			<b>331</b>	
	- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày Thủy lợi (28/8/1945); Duy trì vận hành Website điều hành, quản lý ứng phó trong công tác sơ tán dân phục vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Hoạt động của Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025	168			168	
	- Tập huấn quản lý, khai thác, vận hành bảo dưỡng công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai; hạ tầng thủy lợi; Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý về cấp nước an toàn khu vực nông thôn; hạ tầng nước sạch; Cung cấp Sổ tay hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn	163			163	
<b>284</b>	<b>h) Hoạt động phát triển ngành thủy sản</b>	<b>771</b>			<b>771</b>	
	- Quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản	240			240	
	- Thả giống tôm, cá để tái tạo nguồn lợi thủy sản	99			99	
	- Tập huấn, tuyên truyền công tác phòng chống lụt bão, neo đậu tàu thuyền, phát triển tổ đội đoàn kết khai thác, công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, sản xuất kinh doanh vật tư nuôi trồng thủy sản; kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động về phát triển thủy sản	347			347	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Kiểm tra tình hình khai thác, nuôi trồng thủy sản; Thẩm định, thẩm tra công tác giải quyết TTHC (kiểm tra tàu cá cải hoán, điều kiện nuôi trồng thủy sản ...); kiểm tra, giám sát thực địa; kiểm tra hoạt động nghề cá; Hỗ trợ công tác trực ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tàu thuyền nghề cá; mua sắm, bảo dưỡng trang thiết bị phục vụ công tác PCLB; bảo trì trạm bờ Chi cục Thủy sản; In sổ danh bạ thuyền viên, phôi Giấy phép khai thác thủy sản, phôi Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	85			85	
285	<b>i) Hoạt động của BCD và Tổ giúp việc Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>	<b>4.981</b>			4.981	
	- Hoạt động của BCD và Tổ giúp việc Chương trình xây dựng nông thôn mới; Kiểm tra, khảo sát thực tế, rà soát, tổng hợp kết quả tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; Hoạt động của Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	250			250	
	- Kinh phí Tổ chức và trao giải cuộc thi “Vườn - Tường - Đường đẹp”, “Mô hình phát triển sản xuất hiệu quả”, “Cơ sở vật chất trường mầm non/mẫu giáo đạt chuẩn”, “Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi” và “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025	4.731			4.731	
281	<b>k) Hoạt động Khuyến nông - khuyến ngư</b>	<b>2.858</b>			2.858	
	- Thông tin tuyên truyền một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thâm canh cây trồng, con vật nuôi; Tập huấn nâng cao năng lực cho Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã trên địa bàn của tỉnh; cập nhật cơ chế chính sách và tiến bộ khoa học kỹ thuật; Chương trình hợp tác với Lào; Xây dựng mô hình trình diễn: Khuyến nông trồng trọt, chăn nuôi, khuyến lâm, khuyến ngư,...	2.858			2.858	
332	<b>l) Hoạt động điều tra, quy hoạch, thăm dò, khảo sát, tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên và khí tượng thủy văn</b>		<b>8.910</b>		8.910	
	- Kiểm tra, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		72		72	
	- Định giá đất cụ thể		2.977		2.977	
	- Công tác quản lý đất đai, thống kê, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất		81		81	
	- Quản lý bảo vệ hiện trạng quỹ đất được giao		37		37	
	- Tổ chức đấu giá các khu đất được giao quản lý		147		147	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LD-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Kiểm tra tình hình quản lý, hoạt động khoáng sản; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất; kiểm tra quy trình vận hành liên hồ chứa đối với các thủy điện; kiểm tra, thẩm định Ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở; kiểm tra, khảo sát đường bờ dễ bị tổn thương; kiểm tra thẩm định hồ sơ giao khu vực biển; kiểm tra đột xuất về tài nguyên nước, ứng phó sự cố tràn dầu; Kiểm tra sản phẩm trích đo địa chính, thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán các công trình đo đạc bản đồ địa chính		243		243	
	- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kiểm tra giải quyết vướng mắc của các địa phương trong quá trình thực hiện		45		45	
	- Chống mối mọt, mua sắm kệ và vật tư lưu trữ hồ sơ đất đai, hồ sơ quản lý khoáng sản, nước		63		63	
	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh		540		540	
	- Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Quảng Nam		3.165		3.165	
	- Lập hồ sơ Tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Nam		90		90	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND - phí không đồng		522		522	
	- Duy trì, vận hành, bảo trì, bảo mật an toàn thông tin các hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường theo Thông tư 14/2020/TT-BTNMT		928		928	
	<b>2.5. Dự toán chi thực hiện các chương trình, dự án, đề án của tỉnh</b>	<b>57.190</b>			57.190	(2)
	a) Đối ứng Dự án "Quản lý bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học" (Dự án VFBC) tỉnh Quảng Nam	1.080			1.080	
	b) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	950			950	
	c) Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin dự án: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp năm 2024 (Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)	1.221			1.221	
	d) Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh)	5.775			5.775	
	đ) Các Chương trình, đề án lĩnh vực thủy lợi	28.754			28.754	
	- Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du 07 hồ chứa nước: Việt An, Cây Thông, Trung Lộc, Vĩnh Trinh, Phú Lộc, Đông Tiễn và Nước Rôn tỉnh Quảng Nam	11.223			11.223	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LD-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Điều tra thu thập Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn	5.863			5.863	
	- Xây dựng phần mềm trực tuyến phục vụ công tác quản lý diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	806			806	
	- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Nam	3.460			3.460	
	- Thực hiện nhiệm vụ cấp thiết theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 23/3/2019 của UBND tỉnh giai đoạn 2023 - 2025				0	
	+ <i>Lập quy trình bảo trì 07 hồ chứa nước: Thái Xuân, Đá Vách, Nước Rôn, Phước Hà, Cao Ngạn, Hố Giang, Hương Mao</i>	455			455	
	+ <i>Lập điều chỉnh quy trình vận hành 05 hồ chứa nước: Vĩnh Trinh, Việt An, Đông Tiến, Phú Ninh, Thạch Bàn</i>	2.453			2.453	
	+ <i>Kiểm định an toàn đập 04 hồ chứa nước: Khe Tân, Phước Hà, Phú Lộc, Nước Rôn</i>	4.494			4.494	
	e) Trưng bày thành tựu sản phẩm ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn của tỉnh (Kế hoạch 6326/KH-UBND ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh)	1.300			1.300	
	g) Triển lãm Lễ hội Quốc tế Sâm Ngọc Linh (Không gian trưng bày triển lãm, ẩm thực các sản phẩm Sâm Ngọc Linh, dược liệu và các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh, dược liệu, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống,... theo Kế hoạch số 7718/KH-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh)	5.000			5.000	
	h) Đề án Nông nghiệp hữu cơ	810			810	(5)
	i) Điều tra, xác định vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa quy mô cấp xã để định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Điều tra xác định hiện trạng rừng	12.300			12.300	
278	<b>III. CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG (Dự toán chi không thường xuyên ngoài định mức)</b>		<b>22.939</b>		22.939	<b>(2)</b>
	<i>Trong đó: Đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định</i>		2.549		2.549	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LD-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		
	- Thanh tra, kiểm tra các cơ sở có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra sau khi đã đánh giá tác động môi trường, công tác BVMT của các CSSXKD, lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường; kiểm tra, thẩm định ứng phó sự cố tràn dầu; các cuộc thanh tra, kiểm tra theo KH của Thanh tra Sở và kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh, phối hợp thanh tra của Bộ TNMT và các ngành trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát công tác quan trắc môi trường hằng năm		450		450	
	- Tuyên truyền, tổ chức các hoạt động hưởng ứng các Ngày môi trường, tuần lễ quốc gia biển, hải đảo, Ngày Nước và Đại dương... trong năm; Tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường		180		180	
	- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Biến đổi khí hậu		81		81	
	- Tham gia các Dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường		36		36	
	- Xử lý rác thải tại các bãi rác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam		14.402		14.402	(6)
	- Công tác quan trắc môi trường năm 2025		5.822		5.822	(6)
	- Thực hiện chương trình phát thanh, truyền hình về chuyên mục "Tài nguyên và Môi trường" trên sóng QRT		405		405	
	- Thực hiện các hoạt động đã ký kết Liên tịch với Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam về hoạt động bảo vệ môi trường		32		32	
	- Hoạt động Ban điều phối quản lý tổng hợp lưu vực Sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng		30		30	
	- Bảo quản và Vận hành Nhà Bảo tàng Đa dạng sinh học tỉnh Quảng Nam		360		360	
	- Duy trì Văn phòng Hợp phần thích ứng với Biến đổi khí hậu		90		90	
	- Tiếp công dân và tiếp nhận xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại của công dân		63		63	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND - phí không đồng		923		923	(6)
	- Xây dựng Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2026-2030		65		65	
	<b>IV. Chi bảo đảm xã hội (Chi không thường xuyên)</b>			<b>85</b>	<b>85</b>	
	Hoạt động bảo trợ xã hội (sự nghiệp giảm nghèo)			85	85	
	<b>V. DỰ TOÁN CHI NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (Kinh phí không thường xuyên thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững)</b>	<b>2.969</b>			<b>2.969</b>	
	- Kinh phí Bảo vệ rừng và hỗ trợ cộng đồng vùng đệm	2.894			2.894	
	- Kinh phí trồng cây phân tán	75			75	

Kh	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh thành dự toán giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất)	Ghi chú
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở LĐ-TB&XH (Phần KP nhiệm vụ giảm nghèo)		

**Ghi chú:**

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức điều hành dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 theo quy định của Luật NSNN và Quyết định của UBND tỉnh về ban hành một số chủ trương, biện pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và thực hiện một số nội dung tại cột ghi chú như sau:

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định; sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

- Đơn vị sử dụng nguồn CCTL còn thừa của đơn vị và dự toán giao tại điểm (1) để phân bổ theo quy định.

- Lập dự toán chi tiết theo khối lượng công việc, chế độ, định mức quy định; quản lý, sử dụng đúng mục đích, thanh toán theo thực tế và đúng chế độ, định mức Nhà nước quy định đối với dự toán chi ngân sách giao tại điểm (2).

- Đối với dự toán chi ngân sách giao tại điểm (3), đơn vị thực hiện giải ngân theo tiến độ thu nộp NSNN, trường hợp thu không đạt dự toán giao sẽ giảm trừ tương ứng.

- Đơn vị chịu trách nhiệm và hoàn chỉnh các hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh, gửi Sở Tài chính để kiểm tra, nhập dự toán đối với dự toán chi ngân sách giao tại điểm (4).

- Đối với dự toán chi ngân sách giao tại điểm (5), đơn vị chịu trách nhiệm lập, hoàn chỉnh chỉnh hồ sơ gửi Sở Tài chính kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh phân bổ.

- Đối với dự toán chi ngân sách giao tại điểm (6), đơn vị thực hiện phân bổ dự toán và giải ngân đảm bảo các thủ tục theo quy định.

- Việc điều chỉnh dự toán đã giao, thực hiện theo quy định tại điều 53 Luật NSNN năm 2015. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày **15/11/2025**.